TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P1**

Bản án số: 147/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 363/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Lê Thị Mộng B,** sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 4, xã B Đại, tỉnh Vĩnh Long.

Bà B ủy quyền hoàn toàn cho ông Nguyễn Thành P1, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố 2, xã B Đại, tỉnh Vĩnh Long tham gia tố tụng (Ông P1 có mặt).

* *Bị đơn:* 1/ **Nguyễn Thị Tí H,** sinh năm 1990 (Vắng mặt).

2/ **Võ Thanh PHg,** sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã B Đại, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng của nguyên đơn Lê Thị Mộng B, cũng như tại phiên tòa, người được nguyên đơn ủy quyền, ông Nguyễn Thành P1 trình bày:

Nguyên đơn Lê Thị Mộng B với bị đơn Nguyễn Thị Tí H, Võ Thanh PHg có quan hệ bạn bè với nhau, do đó bên bị đơn Nguyễn Thị Tí H, Võ Thanh PHg nhiều lần vay tiền của bên nguyên đơn Lê Thị Mộng B, cụ thể các lần vay như sau:

- Lần vay thứ nhất, ngày 30/9/2022, bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng trả lại.

- Lần vay thứ hai, ngày 02/12/2022 bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng trả lại.

- Lần vay thứ ba, ngày 04/01/2023, bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay là 03 tháng trả lại.

- Lần vay thứ tư, ngày 30/01/2023, bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng trả lại.

Tất cả những lần vay nêu trên, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng, bên bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình, bổ sung vốn làm ăn kinh doanh. Tuy nhiên, sau đó, nguyên đơn nhiều lần liên hệ với bị đơn để yêu cầu trả tiền vốn và tiền lãi nhưng bên bị đơn không trả tiền lãi và cũng không trả vốn theo thỏa thuận. Bà Nguyễn Thị Tí H và ông Nguyễn Thanh PHg là vợ, chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó ông PHg phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà H để hoàn trả số tiền nợ còn thiếu do bà Lê Thị Mộng B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thành P1 yêu cầu xét xử buộc bà Nguyễn Thị Tí H và ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn Lê Thị Mộng B số tiền vay còn thiếu là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), đồng thời yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/9/2025), thời gian tính lãi là 31 tháng 22 ngày, lãi suất là 0,83%/ tháng, số tiền tính lãi cụ thể như sau: 1.100.000.000 đồng X 0.83%/tháng X 31 tháng và 22 ngày =289.725.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền vốn và tiền lãi là 1.100.000.000 đồng + 289.725.000 đồng = 1.389.725.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

(Tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn giao nộp là 04 biên nhận nhận tiền vào các ngày 02/12/2022, ngày 30/9/2022, ngày 30/01/2023).

* Trong quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Thị Tí H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tí H thừa nhận có nợ bên nguyên đơn Lê Thị Mộng B, tuy nhiên số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà H không nhớ và cần thời gian để tra cứu lại sổ sách để biết còn thiếu bên nguyên đơn bao nhiêu tiền.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Bên Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Tí H và ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Mộng B số tiền vay còn thiếu là 1.389.725.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó, tiền vốn gốc là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi là 289.725.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Tí H, Võ Thanh PHg đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết.

Trong năm 2022, 2023 nguyên đơn Lê Thị Mộng B có cho bị đơn Nguyễn Thị Tí H vay số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), tuy nhiên bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, bà B kiện đòi lại số tiền cho vay. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Tí H, Võ Thanh PHg đang sinh sống tại ấp 1 xã B Đại, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long có thẩm quyền xét xử là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án.

Do quan hệ bạn bè với nhau nên trong khoảng thời gian năm 2022, 2023 bà Nguyễn Thị Tí H có vay của bà Lê Thị Mộng B 04 lần, với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lần lượt là 03 tháng trả, 01 tháng trả lại, lãi suất là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận tài sản vay, bị đơn Nguyễn Thị Tí H không trả vốn, đồng thời cũng không trả tiền lãi theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Tí H đã thực hiện xong quyền nhận tài sản vay, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tố tụng, bà H thừa nhận có nợ bên nguyên đơn, tuy nhiên không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu, do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 97/2024/QĐ-CCTLCC ngày 27/11/2024 đối với bị đơn, tuy nhiên bị đơn Nguyễn Thị Tí H không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bị đơn không chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với yêu cầu của bên nguyên đơn. Để giải quyết vụ án đúng pháp luật, Tòa án nhân dân huyện B Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long) đã triệu tập hai bên đương sự để tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn Nguyễn Thị Tí H từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ việc, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với chữ ký chữ viết của bị đơn Nguyễn Thị Tí H trong các biên nhận nhận tiền, điều đó được xem như bị đơn tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trước Tòa án, mặc nhiên đồng ý số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hoàn trả số tiền vay là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền hay bên ký kết là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, do đó bên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho bên nguyên đơn sau mỗi tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên, bên bị đơn không chứng minh được việc trả lãi cho bên nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/9/2025), thời gian tính lãi là 31 tháng 22 ngày, lãi suất là 0,83%/ tháng là có cơ sở nên được chấp nhận, số tiền tính lãi cụ thể như sau: 1.100.000.000 đồng X 0.83%/tháng X 31 tháng và 22 ngày =289.725.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền vốn và tiền lãi là 1.100.000.000 đồng + 289.725.000 đồng = 1.389.725.000 đồng

(Một tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Tí H với ông Nguyễn Thanh PHg có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Thắng vào ngày 01/8/2013), việc bà Nguyễn Thị Tí H vay tiền nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình, bổ sung vốn làm ăn kinh doanh, do đó ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà H là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mộng B được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Tí H và ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng B đối với bà Nguyễn Thị Tí H, ông Võ Thanh PHg về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Tí H và ông Võ Thanh PHg phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Mộng B số tiền vay còn thiếu là 1.389.725.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi chín bảy trăm hai mươi lăm đồng), trong đó tiền vốn là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi 289.725.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Tí H và ông Võ Thanh PHg phải chịu số tiền án phí là 53.692.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Mộng B số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 27.156.300 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004072 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đại, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn Lê Thị Mộng B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Thị Tí H, Võ Thanh PHg vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT,TT&THA);
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã B Đại, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi